

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

**Công ty**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Thoại	Ủy viên
Ông Ngô Minh Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thoại	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu tháng 9/2011)
Ông Nguyễn Giang Tiến	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu tháng 3/2011)
Ông Trần Bình Phú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 4/2011)
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9/2011)
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9/2011)
Ông Nghiêm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9/2011)
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9/2011)

**Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

---

**Ngô Xuân Hồng**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012*

*Số: 281/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 31/03/2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc***Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited***Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012*

---

**Trương Văn Nghĩa**  
**Kiểm toán viên***Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>136.403.139.619</b>	<b>127.194.735.355</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>58.832.050.777</b>	<b>58.288.349.451</b>
1. Tiền	111		43.932.050.777	51.528.749.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.900.000.000	6.759.600.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.533.255.121</b>	<b>4.392.005.087</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	9.533.255.121	4.392.005.087
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.700.943.385</b>	<b>47.600.315.098</b>
1. Phải thu khách hàng	131		13.308.547.058	14.712.917.831
2. Trả trước cho người bán	132		17.790.646.334	20.127.578.221
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	11.421.602.457	13.065.968.329
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(819.852.464)	(306.149.283)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.336.890.336</b>	<b>16.914.065.719</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	11.266.188.198	8.651.323.683
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.5	6.769.211.131	4.239.112.434
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	674.640.278	76.885.108
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	7.626.850.729	3.946.744.494
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>633.536.906.197</b>	<b>479.573.129.623</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>579.437.267.209</b>	<b>443.648.201.637</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	555.047.031.358	407.982.006.774
<i>Nguyên giá</i>	222		750.070.673.391	557.651.984.680
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(195.023.642.033)	(149.669.977.906)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	13.243.883.832	30.293.935.108
<i>Nguyên giá</i>	228		13.287.908.805	31.129.114.805
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(44.024.973)	(835.179.697)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	11.146.352.019	5.372.259.755
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>44.585.029.243</b>	<b>35.828.607.313</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	33.399.659.243	24.643.237.313
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	11.600.000.000	11.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(414.630.000)	(414.630.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.514.609.745</b>	<b>96.320.673</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	9.514.609.745	96.320.673
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>769.940.045.816</b>	<b>606.767.864.978</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>487.166.343.573</b>	<b>384.865.186.166</b>
(300 = 310+330)				
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>159.078.009.891</b>	<b>166.495.513.458</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	60.648.948.539	50.138.839.127
2. Phải trả người bán	312		35.242.628.360	40.703.296.680
3. Người mua trả tiền trước	313		2.141.098.733	19.114.808.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	7.534.537.249	9.354.798.856
5. Phải trả người lao động	315		19.275.438.644	7.081.377.730
6. Chi phí phải trả	316		2.494.679.592	1.654.945.067
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	31.299.923.635	38.104.172.067
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		152.543.216	343.275.763
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>328.088.333.682</b>	<b>218.369.672.708</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	320.864.712.600	216.085.115.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		536.316.674	442.653.515
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		93.891.052	75.961.900
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.593.413.356	1.765.942.293
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>276.496.336.196</b>	<b>214.285.522.935</b>
(400 = 410+430)				
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>276.496.336.196</b>	<b>214.285.522.935</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.17	132.428.325	139.293.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.17	3.410.429.248	2.275.429.248
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.17	883.800.086	591.780.878
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.17	22.932.396.288	21.358.609.955
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.17	10.306.987.274	12.480.424.748
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.17	88.830.294.975	27.439.984.207
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>6.277.366.048</b>	<b>7.617.155.876</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400 +439)</b>	<b>440</b>		<b>769.940.045.816</b>	<b>606.767.864.978</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	TM	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
<i>USD</i>		1.836.194,78	1.391.379,18
<i>EURO</i>		398,07	154,44
<i>YEN</i>		32.153,00	32.897,00
<i>SGD</i>		605,08	30.498,16

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		464.976.162.891	423.039.774.443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	464.976.162.891	423.039.774.443
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	463.521.154.531	380.765.271.628
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.455.008.360</b>	<b>42.274.502.815</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	13.842.220.553	12.929.288.678
7. Chi phí tài chính	22	5.20	47.850.926.163	12.520.760.366
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.469.893.537</i>	<i>3.848.776.351</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.235.369.567	20.176.500.417
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(45.789.066.817)</b>	<b>22.506.530.710</b>
11. Thu nhập khác	31	5.21	177.276.207.416	1.754.903.191
12. Chi phí khác	32	5.21	16.577.818.799	81.109.128
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>160.698.388.617</b>	<b>1.673.794.063</b>
<b>14. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết</b>	<b>45</b>		<b>9.644.983.649</b>	<b>3.154.947.899</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>124.554.305.449</b>	<b>27.335.272.672</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		40.711.399.884	4.183.282.375
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		93.663.158	104.192.256
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>83.749.242.407</b>	<b>23.047.798.041</b>
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		813.294.133	2.083.447.883
<b>20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (62 = 60-61)</b>	<b>62</b>		<b>82.935.948.274</b>	<b>20.964.350.157</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	5.529	1.398

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>124.554.305.449</b>	<b>27.335.272.672</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	49.309.144.785	31.658.131.436
- Các khoản dự phòng	03	819.844.256	(480.733.111)
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	22.785.804.649	6.799.317.556
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(171.183.891.940)	(6.302.466.904)
- Chi phí lãi vay	06	18.469.893.537	3.848.776.351
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD</b>	<b>08</b>	<b>44.755.100.736</b>	<b>62.858.298.000</b>
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(1.422.291.570)	9.359.072.763
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(18.944.654.262)	4.777.278.239
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(2.644.719.852)	(5.862.215.615)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.469.893.537)	(3.848.776.351)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(42.466.835.916)	(3.910.019.770)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.545.952.250)	(1.632.874.364)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(42.739.246.651)</b>	<b>61.740.762.902</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(210.176.595.443)	(151.149.354.353)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TSDH khác	22	176.263.636.363	212.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.701.000.000)	(10.810.571.592)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.574.717.766	6.835.403.066
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(600.000.000)	(19.631.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	129.216.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.610.206.928	6.089.739.631
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(29.029.034.386)</b>	<b>(168.324.239.175)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	155.386.622.821	117.665.141.487
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63.124.979.559)	(41.309.516.800)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.191.920.000)	(3.808.080.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>72.069.723.262</b>	<b>72.547.544.687</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>301.442.225</b>	<b>(34.035.931.586)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>58.288.349.451</b>	<b>91.670.410.223</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	242.259.101	653.870.814
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>58.832.050.777</b>	<b>58.288.349.451</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Tên giao dịch: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION

Tên viết tắt: VIETFRACHT

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0003013932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/10/2006 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Vốn Nhà nước	51%	7.653.200
2.	Cổ đông khác	49%	7.346.800

#### Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Cần Thơ

#### Các Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)

Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

#### Các Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng - Asaco

Công ty Cổ phần In Viễn Đông

Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam

Công ty Liên doanh Dimerco - Vietfracht

Công ty TNHH Heung-A Shipping VN

Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Vận tải hàng hoá bằng đường biển;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (tiếp theo)**

- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhờn, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

Hoạt động kinh doanh chính cả Công ty trong năm là kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Năm tài chính**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước

##### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tổ hợp Công ty mẹ và Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “ Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao và phần mềm quản lý kho bãi được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 - 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn là Chi phí, san lấp mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất là 49 năm.

##### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

##### Đầu tư vào các Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

**Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.599.423.322	1.912.088.285
Tiền gửi Ngân hàng	42.332.627.455	49.616.661.166
Các khoản tương đương tiền	14.900.000.000	6.759.600.000
<b>Tổng</b>	<b>58.832.050.777</b>	<b>58.288.349.451</b>

**5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn		
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>	<i>3.000.000.000</i>	
<i>Ngân hàng NN &amp; PTNT Việt Nam</i>	<i>1.500.000.000</i>	
<i>Các ngân hàng chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>5.033.255.121</i>	<i>4.392.005.087</i>
<b>Tổng</b>	<b>9.533.255.121</b>	<b>4.392.005.087</b>

**5.3 PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ phần hóa	-	373.728.300
Phải thu khác		
<i>Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm</i>	<i>5.229.333.970</i>	<i>5.229.333.970</i>
<i>Cổ tức phải thu</i>	<i>-</i>	<i>2.704.915.850</i>
<i>Tiền ứng cho các thuyền viên</i>	<i>2.642.393.127</i>	<i>1.054.454.794</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>3.149.875.360</i>	<i>3.303.535.415</i>
<b>Tổng</b>	<b>11.421.602.457</b>	<b>13.065.968.329</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**5.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dầu diesel tồn tại các tàu lúc 24h	3.519.737.675	3.075.583.672
Chi phí sửa chữa tàu	7.526.588.187	5.494.696.268
Chi phí khác	219.862.336	81.043.743
<b>Tổng</b>	<b>11.266.188.198</b>	<b>8.651.323.683</b>

**5.5 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	6.769.211.131	4.239.112.434
Thuế xuất nhập khẩu đã nộp	19.059.751	-
Thuế TNDN nộp thừa	488.752.634	-
Thuế TNCN nộp thừa	166.603.725	70.165.358
Thuế khác	224.168	6.719.750
<b>Tổng</b>	<b>7.443.851.409</b>	<b>4.315.997.542</b>

**5.6 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	6.615.223.605	3.686.679.870
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	1.011.627.124	260.064.624
<b>Tổng</b>	<b>7.626.850.729</b>	<b>3.946.744.494</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

Năm 2011	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<b><i>Nguyên giá</i></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>49.838.468.249</b>	<b>1.369.244.871</b>	<b>503.377.800.798</b>	<b>2.963.613.619</b>	<b>102.857.143</b>	<b>557.651.984.680</b>
Tăng trong năm	-	20.545.000	201.162.774.328	387.065.268	18.500.000	201.588.884.596
<i>XDCB hoàn thành</i>	-	-	197.920.676.327	-	-	197.920.676.327
<i>Mua trong năm</i>	-	20.545.000	3.242.098.001	387.065.268	18.500.000	3.668.208.269
Giảm trong năm	7.254.615.420	826.981.183	713.186.182	375.413.100	-	9.170.195.885
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	6.887.959.003	826.981.183	713.186.182	363.413.100	-	8.791.539.468
<i>Phân loại lại</i>	-	-	-	12.000.000	-	12.000.000
<i>Giảm khác</i>	366.656.417	-	-	-	-	366.656.417
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>42.583.852.829</b>	<b>562.808.688</b>	<b>703.827.388.944</b>	<b>2.975.265.787</b>	<b>121.357.143</b>	<b>750.070.673.391</b>
<b><i>Hao mòn lũy kế</i></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>11.623.806.954</b>	<b>1.201.176.925</b>	<b>134.418.562.894</b>	<b>2.323.573.990</b>	<b>102.857.143</b>	<b>149.669.977.906</b>
Tăng trong năm	2.080.724.510	92.358.814	46.564.439.149	347.663.104	-	49.085.185.577
<i>Trích khấu hao</i>	2.080.724.510	92.358.814	46.564.439.149	347.663.104	-	49.085.185.577
Giảm trong năm	2.210.966.726	826.981.183	329.827.108	363.746.433	-	3.731.521.450
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	2.210.966.726	826.981.183	329.827.108	363.413.100	-	3.731.188.117
<i>Phân loại lại</i>	-	-	-	333.333	-	333.333
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>11.493.564.738</b>	<b>466.554.556</b>	<b>180.653.174.935</b>	<b>2.307.490.661</b>	<b>102.857.143</b>	<b>195.023.642.033</b>
<b><i>Giá trị còn lại</i></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>38.214.661.295</b>	<b>168.067.946</b>	<b>368.959.237.904</b>	<b>640.039.629</b>	<b>-</b>	<b>407.982.006.774</b>
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>31.090.288.091</b>	<b>96.254.132</b>	<b>523.174.214.009</b>	<b>667.775.126</b>	<b>18.500.000</b>	<b>555.047.031.358</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH***Đơn vị tính: VND*

<b>Năm 2011</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm</b>	<b>TSCĐ khác</b>	<b>Tổng</b>
<b><i>Nguyên giá</i></b>				
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>31.088.578.914</b>	<b>-</b>	<b>40.535.891</b>	<b>31.129.114.805</b>
Tăng trong năm	3.128.275.000	64.000.000	-	3.192.275.000
Mua trong năm	3.128.275.000	52.000.000	-	3.180.275.000
Phân loại lại	-	12.000.000	-	12.000.000
Giảm trong năm	21.033.481.000	-	-	21.033.481.000
Thanh lý	10.629.600.000	-	-	10.629.600.000
Phân loại lại	10.403.881.000	-	-	10.403.881.000
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>13.183.372.914</b>	<b>64.000.000</b>	<b>40.535.891</b>	<b>13.287.908.805</b>
<b><i>Hao mòn lũy kế</i></b>				
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>801.668.885</b>	<b>-</b>	<b>33.510.812</b>	<b>835.179.697</b>
Tăng trong năm	213.778.380	3.847.489	6.666.672	224.292.541
Trích khấu hao	213.778.380	3.514.156	6.666.672	223.959.208
Phân loại lại	-	333.333	-	333.333
Giảm trong năm	1.015.447.265	-	-	1.015.447.265
Phân loại lại	1.015.447.265	-	-	1.015.447.265
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>-</b>	<b>3.847.489</b>	<b>40.177.484</b>	<b>44.024.973</b>
<b><i>Giá trị còn lại</i></b>				
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>30.286.910.029</b>	<b>-</b>	<b>7.025.079</b>	<b>30.293.935.108</b>
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>13.183.372.914</b>	<b>60.152.511</b>	<b>358.407</b>	<b>13.243.883.832</b>

**5.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua sắm tài sản cố định	41.901.875	-
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	3.910.594.930	2.753.505.301
Nhà 73 Lò Đúc	813.911.839	677.815.000
Nhà kho Hưng Yên	5.819.378.030	1.528.594.109
Các công trình khác	284.583.436	136.363.436
<b>Tổng</b>	<b>11.146.352.019</b>	<b>5.372.259.755</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng-Asaco</i>	7.229.763.016	5.815.677.951
<i>Công ty CP In Viễn Đông</i>	5.282.894.235	4.798.787.387
<i>Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam</i>	7.534.331.756	4.060.872.031
<i>Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht</i>	5.275.637.710	4.155.744.577
Đầu tư vào công ty liên doanh		
<i>Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore</i>	3.953.427.765	3.097.019.743
<i>Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres</i>	414.630.000	414.630.000
<i>Công ty TNHH Heung-A Shipping VN</i>	3.455.575.684	2.253.785.045
<i>Công ty CP Unithai Logistics VN</i>	253.399.078	46.720.580
<b>Tổng</b>	<b>33.399.659.243</b>	<b>24.643.237.313</b>

**Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:**

	<b>Vốn điều lệ (VND)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng - Asaco	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần In Viễn Đông	16.000.000.000	30,00%	30,00%	In ấn, dịch vụ liên quan đến in, sản xuất bột giấy, giấy và bia, buôn bán sách, báo, tạp chí và văn phòng phẩm
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin Việt Nam	3.200.000.000	49,00%	49,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	49,00%	49,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS -Singapore (1)	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (2)	1.500.000.000	26,07%	26,07%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Logistics VN	2.400.000.000	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

(1) Đến ngày 28/12/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2254/QĐ-BKH về việc chấm dứt hoạt động Công ty Liên doanh Nol/CSS-Singapore. Do chưa có thỏa thuận chấm dứt giữa các bên liên doanh nên số lãi/lỗ từ khoản đầu tư vào liên doanh này chưa được xác định chi tiết cho từng bên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

(2) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Meres đã có quyết định giải thể, theo Báo cáo của Ban thanh lý, số lỗ lũy kế của Công ty này tại ngày 31/03/2006 là 676.537.582 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng.

**5.11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác		
<i>Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (*)</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
<i>Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình (**)</i>	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư XD Trung Hưng (***)</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Công ty CP Tân Cảng Miền Trung</i>	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>11.600.000.000</b>

(\*) Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài thành lập ngày 19/04/2005, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 4,17%, tương ứng 400.000 cổ phần trong tổng số 95,8 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.

(\*) Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/7/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% tương ứng 450.000 cổ phần trong tổng số 150 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.

(\*\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Hưng thành lập ngày 02/06/2011, số vốn góp cam kết tại Công ty này chiếm tỷ lệ 10% tương ứng 10.000 cổ phần trong tổng số 10 tỷ đồng vốn điều lệ.

**5.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng	9.388.433.735	-
Chi phí khác	126.176.010	96.320.673
<b>Tổng</b>	<b>9.514.609.745</b>	<b>96.320.673</b>

**5.13 VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	2.808.551.139	2.549.466.487
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng-Asaco	-	6.800.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>57.840.397.400</b>	<b>40.789.372.640</b>
<b>Tổng</b>	<b>60.648.948.539</b>	<b>50.138.839.127</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	121.568.721	71.329.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.170.041	1.510.149.553
Thuế thu nhập cá nhân	729.582.975	1.318.292.504
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	199.126.800
Các loại thuế khác	6.464.215.512	6.255.900.059
<b>Tổng</b>	<b>7.534.537.249</b>	<b>9.354.798.856</b>

**5.15 PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	551.113.904	561.030.735
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	135.828.579	167.268.000
Phải trả về cổ phần hóa	13.461.071.957	9.389.618.718
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	469.909.050	607.534.548
Cổ tức phải trả	-	5.191.920.000
Tạm xác định tăng nguyên giá tài sản	-	2.429.181.451
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	1.371.639.899
Phải trả các hãng tàu	5.828.813.343	5.273.525.123
Phải trả cán bộ công nhân viên công ty Nhà nước	7.214.182.290	7.214.182.290
Phải trả khác	2.267.364.613	5.898.271.303
<b>Tổng</b>	<b>31.299.923.635</b>	<b>38.104.172.067</b>

**5.16 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Ocean Eleven Shipping Corporation	-	1.703.312.040
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	133.549.136.000	149.956.585.600
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	104.176.449.000	105.214.590.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	140.979.525.000	
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng vay và nợ dài hạn</b>	<b>378.705.110.000</b>	<b>256.874.487.640</b>
Trừ:		
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
Vay dài hạn đến hạn trả	57.840.397.400	40.789.372.640
<b>Số dư vay và nợ dài hạn</b>	<b>320.864.712.600</b>	<b>216.085.115.000</b>

Khoản vay theo Hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2010/HDTC/PGB-HO ngày 05/10/2010 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.934 DWT. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 1 năm 2011.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**5.16 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2011/HDTC/PGB-HO ngày 09/06/2011 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô Oriental Princes trọng tải 14.187 DWT. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 9 năm 2011.

**Lịch trả nợ vay của Công ty trong 5 năm tiếp theo (đơn vị tính: USD)**

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	712.500	712.500	712.500	712.500	712.500
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	1.508.800	1.508.800	1.508.800	1.508.800	376.800
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	555.750	555.750	555.750	555.750	555.750
<b>Tổng</b>	<b>2.777.050</b>	<b>2.777.050</b>	<b>2.777.050</b>	<b>2.777.050</b>	<b>1.645.050</b>

**5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	76.532.000.000	76.532.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	73.468.000.000	73.468.000.000
<b>Tổng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>

**Cổ phiếu giao dịch:**

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

**Các quỹ của doanh nghiệp:**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.706.844.651	21.156.844.651
Quỹ dự phòng tài chính	10.306.987.274	12.480.424.748
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Biên động nguồn vốn và các quỹ**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng</b>
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>372.806.411</b>	<b>1.561.309.527</b>	<b>147.680.485</b>	<b>20.254.092.584</b>	<b>11.222.186.001</b>	<b>19.504.040.291</b>	<b>203.062.676.299</b>
Tăng trong năm	-	131.626.622	714.119.721	514.905.893	2.258.213.285	1.428.238.747	23.321.691.486	28.368.795.754
<i>Bổ sung vốn</i>	-	131.626.622	-	-	-	-	-	131.626.622
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	-	-	20.964.350.157	20.964.350.157
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	714.119.721	-	2.258.213.285	1.428.238.747	-	4.400.571.753
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	514.905.893	-	-	2.357.341.329	2.872.247.222
Giảm trong năm	-	365.139.133	-	70.805.500	1.153.695.914	170.000.000	15.385.747.570	17.145.949.117
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	-	-	5.330.234.753	5.330.234.753
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
<i>Chuyển công ty con</i>	-	-	-	-	123.237.803	-	819.512.817	942.750.620
<i>Giảm khác</i>	-	365.139.133	-	70.805.500	1.030.458.111	170.000.000	236.000.000	1.872.963.744
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>139.293.900</b>	<b>2.275.429.248</b>	<b>591.780.878</b>	<b>21.358.609.955</b>	<b>12.480.424.748</b>	<b>27.439.984.207</b>	<b>214.285.522.936</b>
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>139.293.900</b>	<b>2.275.429.248</b>	<b>591.780.878</b>	<b>21.358.609.955</b>	<b>12.480.424.748</b>	<b>27.439.984.207</b>	<b>214.285.522.935</b>
Tăng trong năm	-	-	1.135.000.000	391.840.253	1.574.466.333	2.271.744.065	84.217.498.879	89.590.549.529
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	-	-	82.935.948.274	82.935.948.274
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	1.135.000.000	-	1.574.466.333	2.271.744.065	-	4.981.210.398
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	391.840.253	-	-	1.281.550.605	1.673.390.858
Giảm trong năm	-	6.865.575	-	99.821.044	680.000	4.445.181.539	22.827.188.111	27.379.736.269
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	-	-	7.537.987.863	7.537.987.863
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
<i>Giảm khác</i>	-	6.865.575	-	99.821.044	680.000	4.445.181.539	289.200.248	4.841.748.406
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>132.428.325</b>	<b>3.410.429.248</b>	<b>883.800.086</b>	<b>22.932.396.288</b>	<b>10.306.987.274</b>	<b>88.830.294.975</b>	<b>276.496.336.196</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**5.18 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	464.976.162.891	423.039.774.443
<b>Tổng</b>	<b>464.976.162.891</b>	<b>423.039.774.443</b>

**5.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	463.521.154.531	380.765.271.628
<b>Tổng</b>	<b>463.521.154.531</b>	<b>380.765.271.628</b>

**5.20 DOANH THU/CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	5.290.211.328	1.589.748.431
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.232.013.625	5.884.169.047
Cổ tức lợi nhuận được chia	5.319.995.600	4.499.991.200
Doanh thu tài chính khác	-	955.380.000
<b>Tổng</b>	<b>13.842.220.553</b>	<b>12.929.288.678</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	18.469.893.537	3.848.776.351
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.281.488.476	8.665.934.433
Chi phí tài chính khác	99.544.150	6.049.582
<b>Tổng</b>	<b>47.850.926.163</b>	<b>12.520.760.366</b>
<b>Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính</b>	<b>(34.008.705.610)</b>	<b>408.528.312</b>

**5.21 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	176.263.636.363	212.727.273
Tiền bồi thường bảo hiểm, hợp đồng kinh tế	839.470.710	1.369.449.967
Các khoản khác	173.100.343	172.725.951
<b>Tổng</b>	<b>177.276.207.416</b>	<b>1.754.903.191</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	15.689.951.351	-
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	599.877.455	-
Các chi phí khác	287.989.993	81.109.128
<b>Tổng</b>	<b>16.577.818.799</b>	<b>81.109.128</b>
<b>Lãi/lỗ từ hoạt động khác</b>	<b>160.698.388.617</b>	<b>1.673.794.063</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**5.22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	82.935.948.274	20.964.350.157
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	82.935.948.274	20.964.350.157
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5.529</b>	<b>1.398</b>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
HĐQT và BKS		Thù lao	421.200.000	236.000.000
Ban Giám đốc		Thu nhập	701.499.163	636.578.785

*Giao dịch với các bên liên quan khác:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Giao dịch bán hàng</b>				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2.667.207.144	215.863.921
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	254.461.615	52.329.154
Công ty CP Unithai Logistics VN	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	163.146.492	-
<b>Giao dịch mua hàng</b>				
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng - Asaco	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	312.498.734	546.285.479
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	77.353.929	-
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	585.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN/HN

**6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2011 VND</b>	<b>01/01/2011 VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	111.216.419	1.185.981.930
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	18.253.561	57.302.350
<b>Các khoản phải trả</b>				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả người bán	-	308.219.172
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải trả người bán	32.835.055	10.618.659

*(\* Các giao dịch trên không bao gồm các giao dịch về chi trả cổ tức***6.3 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong Báo cáo này.

**6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

**Người lập****Kế toán trưởng***Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012*  
**Tổng Giám đốc****Nguyễn Hồng Phúc****Nguyễn Thanh Thủy****Ngô Xuân Hồng**